

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thông Thái.
- Bà Trần Thị Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Đa Cha, Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 472/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn C, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. **Bị đơn:** Bà Lưu Thị Ngọc T, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn C và bà Lưu Thị Ngọc T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Thuận Hải (nay là tỉnh Bình Thuận) theo giấy chứng nhận kết hôn số 139 quyển số 01 ngày 25/3/1992. Từ năm 1988 đến năm 2020 thì chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2021, ông C và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, ông C và bà T không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 3/2022 đến nay và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Ông Nguyễn C ly hôn bà Lưu Thị Ngọc T.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà T có 03 con chung là Nguyễn Thiệp N sinh năm 1989, Nguyễn Thiện H sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc T1 sinh năm 1994, đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành xác minh tại thôn 1, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, kết quả như sau: Bà Lưu Thị Ngọc T có mặt tại địa phương, hiện nay bà T và ông C không còn chung sống với nhau.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T đều từ chối nhận và không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn C khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Lưu Thị Ngọc T do đó Tòa án thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Lưu Thị Ngọc T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại địa phương thì sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, ông C và bà T không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 3/2022 đến nay và không còn

quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C yêu cầu ly hôn bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến giải quyết nhưng bà không chấp hành. Như vậy tình trạng hôn nhân của ông C và bà T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thiệp N sinh năm 1989, Nguyễn Thiện H sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc T1 sinh năm 1994 (đều đã thành niên), đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn C được ly hôn bà Lưu Thị Ngọc T.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn C là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020073 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Ông Nguyễn C đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Phong Phú, huyện Tuy Phong
(CNKH số 139 quyền số 01 ngày 25/3/1992);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Vũ